

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 06 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga

2. Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thúy Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Triệu Thị Trúc L, sinh năm 1990; địa chỉ: 278 tổ 09 ấp AT, xã HA, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số 524 tổ 17 ấp Phú Thượng 3, xã Kiến An, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1985; địa chỉ: số 278 tổ 09, ấp AT, xã HA, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Triệu Thị Trúc L trình bày:

Bà Triệu Thị Trúc L và ông Trần Văn B đi đến hôn nhân vào năm 2008, hôn nhân tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HA, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, nên thường xuyên cãi vã, ông B có hành vi bạo lực gia đình, cuộc sống chung không

hạnh phúc, nên bà L về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 02/2021 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Khánh V, sinh ngày 05/6/2009 và Trần Khánh L, sinh ngày 21/7/2012, hiện 02 con chung đang sống với ông B, khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Khánh V và Trần Khánh L, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn B trình bày: Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn thì ông thống nhất với và L trình bày, về mâu thuẫn vợ chồng thì không có mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng có cãi vã, có xô xát nhau, không có bạo lực gia đình, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, theo yêu cầu ly hôn của bà L thì ông B thống nhất ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Khánh V, sinh ngày 05/6/2009 và Trần Khánh L, sinh ngày 21/7/2012, hiện 02 con chung đang sống với ông B, khi ly hôn B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Triệu Thị Trúc L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa ông Trần Văn B vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa bà L và ông B thống nhất thuận tình ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử: công nhận thuận tình ly hôn giữa Bà L và ông B.

- Về quan hệ con chung: 02 con chung tên Trần Khánh V, sinh ngày 05/6/2009 và Trần Khánh L, sinh ngày 21/7/2012, hiện 02 con chung đang sống với ông B, nguyện vọng của 02 cháu muốn sống với anh B. Nên, đề nghị hội đồng xét xử giao 02 con chung cho ông B được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Triệu Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn B, về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn B với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp AT, xã HA, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Triệu Thị Trúc L và ông Trần Văn B là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HA, nên theo quy định được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà L cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông B có hành vi bạo lực gia đình nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ tháng 2/2021 cho đến nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Tại phiên tòa, bà L và ông B thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Triệu Thị Trúc L và ông Trần Văn B theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Khánh V, sinh ngày 05/6/2009 và Trần Khánh L, sinh ngày 21/7/2012, hiện 02 con chung đang sống với ông B.

Xét, đối với yêu cầu được nuôi con chung Trần Khánh V và Trần Khánh L của bà Triệu Thị Trúc L và ông Trần Văn B. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà L và ông B đều có nguyện vọng được nuôi con chung thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì ông B có canh tác đất nông nghiệp 20.000m², có nhà đất của cha mẹ để lại thì mức thu nhập và chỗ ở ổn định. Đối với bà L thì hiện nay đang ở nhà cha mẹ ruột, nghề nghiệp thợ may thì mức thu nhập chưa ổn định. Ngoài ra, nguyện vọng của con chung muốn sống với ông B. Từ khi bà L và ông B không còn sống chung với nhau thì các cháu đi học và phát triển B thường, các cháu từ nhỏ đã sống với ông B tại địa chỉ ấp AT, xã HA, huyện C, tỉnh An Giang, về điều kiện sống và chỗ ở thì thấy các cháu đã thích nghi, không nên thay đổi môi trường để không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu. Nên, Hội đồng xét xử nghĩ giao con chung cho ông B được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do ông B không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Triệu Thị Trúc L được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Triệu Thị Trúc L và ông Trần Văn B.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 122 ngày 25 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân xã HA, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Trần Văn B và bà Triệu Thị Trúc L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: giao 02 con chung tên Trần Khánh V, sinh ngày 05/6/2009 và Trần Khánh L, sinh ngày 21/7/2012 cho ông Trần Văn B được tiếp tục nuôi dưỡng, ông B không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Triệu Thị Trúc L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006119 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu